

Số: 1401/2024/QĐST-HNGĐ

Quận 12, ngày 16 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ Hôn nhân gia đình đã thụ lý số 1192/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Bà Phạm Ngọc Y, sinh năm: 1993.

Thường trú: 254/40, tổ A, Khu phố D, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Thành N, sinh năm: 1993.

Thường trú: 320/49, tổ A, Khu phố A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: “Về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Bà Phạm Ngọc Y và ông Nguyễn Thành N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 195/2013, Quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/11/2013. Nay bà Y và ông N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 01 (một) con chung là Nguyễn Ngọc Gia N1, sinh ngày 21/01/2014.

Bà Y và ông N cùng thống nhất giao con chung là Nguyễn Ngọc Gia N1, sinh ngày 21/01/2014 cho bà Phạm Ngọc Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành.

Ông Nguyễn Thành N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng, cấp dưỡng vào ngày 10 (mười) hàng tháng, bắt đầu khi Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về lệ phí: Bà Phạm Ngọc Y và ông Nguyễn Thành N cùng chịu theo biên lai đóng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp cho Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Ngọc Y và ông Nguyễn Thành N thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 195/2013, Quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/11/2013 không còn giá trị.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung là Nguyễn Ngọc Gia N1, sinh ngày 21/01/2014.

Giao con chung là Nguyễn Ngọc Gia N1, sinh ngày 21/01/2014 cho bà Phạm Ngọc Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành.

Ông Nguyễn Thành N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng, cấp dưỡng vào ngày 10 (mười) hàng tháng, bắt đầu khi Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành.

Việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con do các bên đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Phạm Ngọc Y có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Thành N chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông Nguyễn Thành N phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực

tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không có nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình: Bà Phạm Ngọc Y và ông Nguyễn Thành N cùng chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng và được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0049336 ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Ngọc Y và ông Nguyễn Thành N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12;
- UBND cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

Nguyễn Thanh Sang